

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	MOS Word		MOS Excel		MOS PowerPoint		Điểm Trung Bình
							Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	
195	22031620	Lê Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	19/05/2004	DH22DN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	9.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.90
196	22030713	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	17/06/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.70
197	22030492	Đặng Thị Thùy	Uyên	Nữ	14/06/2003	DH22DN	7.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.10
198	22031246	Huỳnh Mỹ	Uyên	Nữ	01/07/2004	DH22DN	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.80
199	22030475	Trần Thị Thúy	Hiền	Nữ	07/07/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	10.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
200	22030359	Nguyễn Ngọc	Lý	Nữ	01/07/2004	DH22DN	9.50	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.50	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.40
201	22030478	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	27/06/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.80
202	22031367	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	21/09/2004	DH22DN	7.80	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.80	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.70
203	22030482	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	14/03/2004	DH22DN	8.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.80
204	22031154	Vũ Hoàng Minh	Thư	Nữ	10/01/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.20
205	22030678	Trần Thị Tường	Vi	Nữ	24/07/2004	DH22QTT	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.30
206	22030790	Trương Thành	Đạt	Nam	04/01/2004	DH22DN	9.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.30	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.20
207	22030618	Trần Thị Ngọc	Quyên	Nữ	16/08/2004	DH22DN	7.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.70
208	22031303	Vũ Ngọc Quế	Trân	Nữ	28/09/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.30
209	22030797	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	30/08/2004	DH22DN	7.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.50
210	22031395	Nguyễn Hồng	Trang	Nữ	02/09/2004	DH22QTT	8.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.20
211	22031039	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	19/11/2004	DH22DN	9.00	Học kỳ 1 [2025-2026]	9.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.70
212	22031663	Nguyễn Thị Huyền	Dung	Nữ	26/12/2002	DH22DN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.30
213	22031685	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	03/05/2004	DH22DN	8.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.40
214	22030024	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	09/11/2004	DH22QTT	9.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.80
215	22030843	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	03/04/2003	DH22DN	7.50	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50
216	22030079	Nguyễn Thị Ái	Khanh	Nữ	18/04/2004	DH22DN	10.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.10

Handwritten signature

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	MOS Word		MOS Excel		MOS PowerPoint		Điểm Trung Bình
							Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	
217	22030106	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	24/04/2002	DH22DN	7.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.70
218	22031186	Thạch Ngọc Thùy	Trang	Nữ	26/02/2004	DH22DN	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	9.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.30
219	22030441	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	06/11/2004	DH22DN	7.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.50
220	22031470	Võ Kiều	Trang	Nữ	14/10/2004	DH22DN	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	9.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.80
221	22031687	Lê Chu Ngọc	Minh	Nam	01/01/2002	DH22TN	8.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.50	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.50	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.10
222	22031450	Nguyễn Ngọc	My	Nữ	03/06/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
223	22030309	Đào Thị	Phương	Nữ	22/04/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.70
224	22030297	Nguyễn Đoàn Hoài	Thương	Nữ	28/02/2003	DH22TN	10.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.40
225	22030152	Phan Thanh	Thương	Nữ	09/11/2004	DH22TN	8.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.20
226	22030745	Võ Thị	Thúy	Nữ	18/05/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.50	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.20
227	22030849	Ngô Phương	Thùy	Nữ	30/12/2004	DH22TN	8.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.10
228	22030118	Lưu Thị Mai	Vy	Nữ	16/04/2004	DH22TN	7.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
229	22030434	Lê Tấn	Đạt	Nam	29/05/1997	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.50
230	22030661	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	21/10/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30
231	22030346	Nguyễn Tiểu	Yến	Nữ	14/07/2002	DH22TN	7.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.90
232	22030015	Nguyễn Vũ Hoàng	Ấn	Nam	26/11/2003	DH22TN	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.50
233	22030263	Hồ Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	10/01/2004	DH22TN	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.80
234	22031589	Trương Quang	Khoa	Nam	01/01/2000	DH22TN	7.50	Học kỳ 1 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50
235	22031281	Phạm Vũ Thanh	Trúc	Nữ	20/07/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.90
236	22030905	Nguyễn Minh	Trường	Nam	29/10/2004	DH22TN	9.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.20
237	22030044	Dương Ánh	Linh	Nữ	14/06/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.30
238	22030504	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	19/11/2004	DH22TN	7.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.80

Chữ ký

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	MOS Word		MOS Excel		MOS PowerPoint		Điểm Trung Bình
							Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	
239	22030796	Trần Dương Ý	Nhi	Nữ	18/06/2004	DH22TN	9.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.50	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.30
240	22030342	Trần Ngọc Minh	Nhu	Nữ	08/11/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.90
241	22030385	Hoàng Thị Quỳnh	Nhur	Nữ	30/03/2004	DH22TN	9.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.30
242	22030907	Lê Chí	Bảo	Nam	05/10/2004	DH22TN	8.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.90
243	22030362	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/01/2004	DH22TN	9.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	10.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	9.20
244	22030928	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhur	Nữ	15/05/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30
245	22031294	Nguyễn Thị Tố	Nhur	Nữ	13/08/2004	DH22TN	8.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.40
246	22031408	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	13/11/2004	DH22TN	9.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.30
247	22030248	Trần Mai Tuyết	Nhung	Nữ	30/09/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
248	22030524	Bùi Văn	Thiện	Nam	17/11/2003	DH22TN	7.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.30
249	22030014	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	30/10/2004	DH22TN	8.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.10
250	22030598	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	01/04/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	9.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.00
251	22031657	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	04/12/2004	DH22TN	8.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40
252	22030113	Đinh Thị Xuân	Mai	Nữ	11/11/2004	DH22TN	8.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.10
253	22030589	Nguyễn Thành	Phát	Nam	14/05/2001	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.50	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.80
254	22030070	Đỗ Quỳnh	Thư	Nữ	08/11/2004	DH22TN	7.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.90
255	22031569	Ngô Anh	Thư	Nữ	09/12/2004	DH22TN	7.50	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.80	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.80	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
256	22030911	Nguyễn Xuân	Đạt	Nam	04/10/2004	DH22TN	7.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.20
257	22031280	Trần Huyền	Diệu	Nữ	15/10/2004	DH22TN	8.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 3 [2024-2025]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.70
258	22031451	Trần Lê Thường	Nghi	Nữ	19/09/2004	DH22TN	8.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.30
259	22030622	Trần Thị Thanh	Nghĩa	Nữ	04/01/1999	DH22TN	9.30	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	10.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.80
260	22031101	Đinh Đặng Bích	Ngọc	Nữ	29/04/2004	DH22TN	7.80	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.40

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	MOS Word		MOS Excel		MOS PowerPoint		Điểm Trung Bình
							Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	Điểm	Ngày thi	
261	22030255	Lê Đình Huyền	Trần	Nữ	29/06/2004	DH22TN	7.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	10.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
262	22030040	Phan Mạnh	Dũng	Nam	14/04/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.30	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.00
263	22030506	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	26/05/2004	DH22TN	8.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.80
264	22030251	Phạm Trần	Khanh	Nam	27/06/2000	DH22TN	9.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.00
265	22031547	Nguyễn Hoàng Kim	Tài	Nam	19/02/2004	DH22TN	7.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	9.00	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.90
266	22030473	Đào Gia	Triền	Nam	19/04/2004	DH22TN	7.80	Học kỳ 2 [2022-2023]	7.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	7.40
267	22030074	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	Nữ	02/03/2000	DH22TN	7.30	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.80	Học kỳ 3 [2022-2023]	8.30	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.10
268	22030221	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	03/09/2004	DH22KC	8.80	Học kỳ 3 [2024-2025]	7.6	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.00	Học kỳ 3 [2024-2025]	8.10
269	22030110	Lê Đức	Anh	Nam	16/01/2004	DH22TN	7.50	Học kỳ 2 [2022-2023]	8.3	Học kỳ 1 [2025-2026]	8.50	Học kỳ 1 [2023-2024]	8.10

Tổng số: 880 thí sinh đạt chuẩn đầu ra trong đó:

Khoa	Số lượng SV
Khoa Du lịch - Sức khỏe	78
Khoa Kinh tế biển - Logistics	216
Khoa Công nghệ - Kỹ thuật	179
Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa quốc tế	138
Khoa Quản trị - Luật	269